

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/3/2024

"Về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Quang Khuyến.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Xuân Nghi, bà Nguyễn Thị Tơ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa:** Bà An Thị Hà Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 161/2023/TLST-HN/GĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị H**- sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện M, tỉnh H.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 16, phố C, thị trấn M, huyện M, tỉnh H

**- Bị đơn:** Anh T- sinh năm 1984

Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện M, tỉnh H.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần hai không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:** Chị và Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 02/02/2009 và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi cưới vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, anh T nhiều lần đánh đập chị, có lần phải đi viện, chị đã tha thứ cho anh nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 8/2023 chị đã bỏ về nhà đẻ ở và không quay lại chung sống với anh T nữa, sau khi chị bỏ về nhà đẻ ở vợ chồng không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 8/2023 không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T không đến Tòa án để giải quyết ly hôn là cố tình gây khó khăn cho

chị trong việc ly hôn. Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để chị sớm ổn định cuộc sống riêng.

*Về con chung:* Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Hải N, sinh ngày 24/6/2015, cháu đang ở với chị, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hải N, chị đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành và chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Về điều kiện nơi ăn, ở, mẹ chị có một mình chị, mẹ con chị đang ở cùng với mẹ, khi chị đi làm mẹ chị là người đưa đón cháu đến trường lớp, chị làm công ty ở gần nhà, lương bình quân 10.000.000đ/tháng, chị đủ điều kiện để chăm sóc con đến khi trưởng thành.

*Về tài sản chung, vay nợ, công sức:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Quá trình làm việc, quá trình chuẩn bị xét xử vụ án,** Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn là Anh T và đã giao các văn bản tố tụng cho anh T biết, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T đều vắng mặt, không hợp tác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và giao gửi văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung liên quan đến vụ án. Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh T đều vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập họp lệ hai lần anh T đến phiên tòa nhưng anh T đều không có mặt tại phiên tòa. Ngày 31/01/2024 Tòa án tiến hành lấy lời khai của Anh T nhưng anh không ký xác nhận vào biên bản. Anh T trình bày vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lam Sơn năm 2009, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do những vấn đề nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày, chị H làm quá mọi chuyện lên và làm đơn xin ly hôn, anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đáng kể. Tháng 8/2023 chị H bỏ về nhà để ở thị trấn Thanh Miện, vợ chồng mỗi người ở một nơi nhưng chị H vẫn thường xuyên về nhà anh để đón con, vợ chồng vẫn nói chuyện với nhau, vẫn quan tâm đến nhau, không ly thân hẳn. Anh xác định tình cảm giữa anh và chị H vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn, anh không nhất trí ly hôn, anh đề nghị Tòa án bác đơn xin ly hôn của chị H. Về con chung vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Hải N, sinh ngày 24/6/2015, cháu đang ở với mẹ, nếu ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu Nam, nếu chị H nuôi con thì anh có trách nhiệm với con theo điều kiện khả năng của anh. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị B là mẹ đẻ của chị H trình bày: Quá trình chung sống chị H và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 8/2023, mẹ con chị H đã về ở cùng với bà và vợ chồng anh chị ấy sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xin ly hôn, việc anh chị có ở được với nhau hay không do chị H quyết định. Anh chị có 01 con chung là cháu Lê Hải N, sinh ngày 24/6/2015, cháu đang ở với mẹ và bà, chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con. Đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H và cháu Nam. Trường hợp Tòa án giao cho chị H nuôi con, bà sẵn sàng hỗ trợ và tạo điều kiện cho mẹ con chị H chỗ ăn ở và giúp chăm sóc cháu Nam. Quá trình chung sống vợ chồng anh T, chị H không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gì với bà.

Lời khai của bà Đỗ Thị A xác định: Bà là mẹ đẻ của Anh T và là bà nội của cháu Lê Hải N. Trong thời gian chung sống anh T, chị H sống hòa thuận, hạnh

phúc đến năm 2023 thì chị H bỏ về nhà đẻ ở, bà không biết nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị ấy như thế nào, bà đã vài lần động viên chị H về để vợ chồng đoàn tụ. Chị H xin ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị về chung sống với nhau, nếu chị H kiên quyết xin ly hôn thì bà không có ý kiến gì, do anh chị tự quyết định. Anh chị có 01 con chung là cháu Lê Hải N, cháu đang ở với mẹ, nếu anh chị ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, ai nuôi cũng được. Quá trình chung sống anh chị ấy không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gì với bà.

Kết quả làm việc, xác minh tại chính quyền địa phương và các đoàn thể xã Lam Sơn có ý kiến: Chị H, anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện. Trong quá trình chung sống anh T, chị H có xảy ra mâu thuẫn, chị H đã bỏ về nhà đẻ ở thị trấn Thanh Miện. Việc mâu thuẫn của anh T, chị H cụ thể như thế nào, địa phương không nắm được, khi mâu thuẫn anh chị ấy không mời địa phương và các đoàn thể hoà giải. Nay, chị H xin ly hôn anh T, đề nghị Toà án tiếp tục hòa giải, nếu anh chị không thể chung sống với nhau thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Văn T.

Về con chung: Xử giao con chung cháu Lê Hải N, sinh ngày 24/6/2015 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Chị H, anh T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Lê Văn T; Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện M, tỉnh H; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điều a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị H nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định. Quá trình thu thập chứng cứ anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H và Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 02/02/2009. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào trình bày của chị H, phản ánh của đại diện hai bên gia đình và tài liệu thu thập chứng cứ có cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị H xác định vợ chồng sống vui vẻ, hòa thuận được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, anh T nhiều lần đánh đập chị có lần phải đi viện, vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 8/2023 không còn quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T vắng mặt và không gửi văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung của vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai nhưng anh không ký xác nhận vào biên bản, nguyện vọng của anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn không hợp tác. Nhận thấy hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị H, nên xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn Anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị H, anh T xác định, vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Hải N, sinh ngày 24/6/2015, chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Xét về nguyện vọng của cháu N, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét nguyện vọng của chị H đề nghị được tiếp tục nuôi con, chị đang làm công ty thu nhập bình quân là 10.000.000/tháng, mẹ chị vẫn khoẻ mạnh, sẽ tạo điều kiện cho mẹ con chị trong việc nuôi con. Đối với anh T, anh xác định cháu Lê Hải N đang ở với mẹ, anh là lao động tự do, thu nhập ổn định, nếu phải ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu N, nếu chị H nuôi con thì anh có trách nhiệm với con, do vậy cần giao cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

[4] *Về tài sản, nợ chung, công sức*: Chị Nguyễn Thị H, Anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Văn T.

2- *Về nuôi con chung*: Xử giao con chung Lê Hải N, sinh ngày 24/6/2015 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- *Về tài sản, nợ chung, công sức*: Chị Nguyễn Thị H, Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai số AA/2022/0001405 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

5- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện;  
(để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Đào Quang Khuyển***

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đào Quang Khuyến**